TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2022/DS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2022
V/v Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính đất đai trong trường hợp giao đất ở tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Di Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính đất đai trong trường hợp giao đất ở tái định cư".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/. Ông Trần Văn L, sinh năm 1964.

2/. Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1966. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp G, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Ch: ông Hồ Chí B là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Đ chi nhánh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng, khóm 3, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Thúy: Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020). (vắng mặt)

2/. Ủy ban nhân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Tr: Ông Trần Văn D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu hành chính, ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Ch - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn L và bà Lê Thị Ch trình bày:

Vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch (viết tắt là vợ chồng bà Ch) có một phần đất diện tích ngang 3,6m; dài 30m, đất tọa lạc tại ấp Ch, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2003, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất để làm lộ NSH. Thời điểm đó do chồng bà Ch bị bệnh nên không ở nhà; có nhờ ông Trần Văn Ph (là cháu của ông L) kê khai tài sản dùm còn mọi giấy tờ và tiền đền bù đều do vợ chồng bà Ch ký nhận. Đến năm 2011, Nhà nước có thông báo để nộp tiền sử dụng đất thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư thuộc ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Lúc đó gia đình gặp khó khăn nên chưa có tiền đóng. Đến tháng 04/2018 vợ chồng bà Ch mới có tiền đóng thì phát hiện ông Trần Văn Ph đã đóng tiền sử dụng đất nhằm có ý đồ chiếm đoạt thửa đất nói trên.

Trong quá trình tố tụng, khi tham gia hòa giải vợ chồng bà Ch mới phát hiện vào năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện Tr ban hành Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 giao thửa đất số 2375 cho ông Ph mà vợ chồng bà Ch không hay biết. Theo Công văn số 52/TNMT ngày 06/5/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân huyện Tr (Được Ủy ban nhân dân huyện Tr ủy quyền) có nêu lý do giao đất cho ông Ph là do ông Ph ở đậu trên đất của vợ chồng bà Ch.

Nhận thấy nguồn gốc đất bị thu hồi là của vợ chồng bà Ch, biên bản kiểm kê, kiểm tra thực tế, xác nhận hiện trạng ngày 03/8/2005 cũng như phiếu chi trả tiền đền bù cho hộ dân dự án đường NSH cũng đều thể hiện tên của ông Trần Văn L (chồng bà Ch) không phải tên của ông Ph nhưng Ủy ban nhân dân huyện Tr lại lấy lý do ông Ph ở đậu trên đất của vợ chồng bà Ch mà giao đất là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch. Theo quy định về bồi thường và hỗ trợ tái định cư thì ông Ph không phải là người sử dụng đất nên không đủ điều kiện để được giao nền tái định cư, Nhà nước thu hồi đất của vợ chồng bà Ch nhưng lại giao đất nền cho ông Ph là không đúng quy định pháp luật.

Nay vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/. Buộc ông Trần Văn Ph trả lại thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư thuộc ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 về việc giao đất ở tái định cư dự án tuyến đường NSH của Ủy ban nhân dân huyện Tr cho ông Trần Văn Ph.

Bị đơn ông Trần Văn Ph trình bày:

Theo nội dung đơn của vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch (vợ chồng bà Ch) trình bày là không đúng sự thật. Cha mẹ ông Ph ly hôn với nhau khi ông còn nhỏ; vì vậy ông lấy họ mẹ và được ông Trần Văn L (cậu ruột) đem về nuôi. Sau khi lớn lên ông giúp vợ chồng bà Ch quán xuyến chuyện làm ăn của gia đình và vợ chồng bà Ch coi ông như là con trong nhà. Khi ông lập gia đình thì vợ chồng bà Ch cho ở nhờ trên phần đất. Đến khi Nhà nước có dự án làm tuyến lộ NSH thu hồi đất của dân để làm lộ thì phần đất của vợ chồng bà Ch bị giải tỏa trong đó có phần đất vợ chồng ông Ph đang được cho ở nhờ. Do không còn cho ở khác nên Nhà nước mới cấp một nền tái định cư cho ông thuộc thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư thuộc ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Tất cả các giấy tờ liên quan đến thửa số 2375 đều do ông đứng tên. Việc ông đứng tên nền tái định cư vợ chồng bà Ch đều biết rõ (bà Ch là người trực tiếp ký nhận các Thông báo, giấy tờ liên quan đến thửa đất được cấp). Nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông chưa có tiền nộp. Đến ngày 25/7/2018, Chi cục thuế huyện Tr tiếp tục Thông báo cho ông nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất. Ngày 31/7/2018, ông nộp với số tiền là 57.285.000 đồng. Trong thời gian làm thủ tục đăng ký và chờ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà Ch ngăn cản.

Qua yêu cầu của vợ chồng bà Lê Thị Ch, ông Trần Văn L về việc đòi lại thửa đất số 2375, ông Trần Văn Ph không đồng ý. Vì phần đất này là Nhà nước cấp cho ông.

Tại văn bản số 52/TNMT ngày 06/5/2020, số 87/TNMT ngày 02/7/2020 và

văn bản số 01/YK-PTNMT ngày 18/3/2021 cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Tr trình bày:

Hộ ông Trần Văn Ph được UBND huyện Tr giao đất tái định cư theo Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 theo danh sách các hộ dân sau khi bốc thăm chọn nền tái định cư dự án NSH. Căn cứ biên bản và danh sách bốc thăm chọn nền tái định cư cho các hộ bị giải tỏa của dự án; Căn cứ khoản 3 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ khoản 4 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT.BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 15 Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về bố trí tái định cư.

Theo các căn cứ nêu trên Hội đồng bồi thường xét tái định cư của huyện Tr đã xét cho gia đình bà Lê Thị Ch một nền nhà và xét cho ông Trần Văn Ph cũng được cấp một nền (ông Ph thuộc diện ở đậu trên đất vợ chồng bà Ch được coi như một gia đình ở chung một quyền sử dụng đất, khi giải tỏa không có chỗ ở nào khác). Việc xét cấp tái định cư cho ông Trần Văn Ph là đúng đối tượng và đúng theo trình tự pháp luật quy định tại thời điểm cấp đất. Vợ chồng bà Ch không có quyền đòi quyền sử dụng đất của ông Ph. Đồng thời cũng không có cơ sở để yêu cầu hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tr.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ: Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 130 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 45 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu về việc buộc ông Trần Văn Ph trả lại nền tái định cư thuộc thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa số 2376 có số đo 20m;

+ Hướng Tây giáp thửa số 2374 có số đo 20m;

+ Hướng Nam giáp đường thoát nước có số đo 05m;

+ Hướng Bắc giáp vỉa hè có số đo 05m.

Tổng diện tích: 100m^2.

- Không chấp nhận yêu cầu Hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất ở tái định cư dự án tuyến đường NSH cho ông Trần Văn Ph.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 03/11/2021, nguyên đơn bà Lê Thị Ch có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Ch trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Lê Thị Ch; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ch làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Chí B được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; nguyên đơn bà Lê Thị Ch đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Bị đơn ông Trần Văn Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th, UBND huyện Tr cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự này đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo. Vì vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Ph trả lại nền tái định cư thuộc thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng và hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất ở tái định cư dự án tuyến đường NSH cho ông Trần Văn Ph. Với lý do: Phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án đường NSH thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà Ch; ông Ph không phải là chủ sử dụng đất nên không được bố trí tái định cư theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét thấy, trước đây ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch có sử dụng phần diện tích đất 127,8m^2 đã bị UBND huyện Tr thu hồi để thực hiện dự án tuyến đường NSH vào năm 2005. Đối với phần diện tích đất bị thu hồi ông L, bà Ch đã được UBND huyện Tr tiến hành bồi thường về đất (đất thổ 127.8m^2), nhà ở, cây trồng và tài sản trên đất. Ông L, bà Ch đã nhận tiền bồi thường và không khiếu nại đối với việc bồi thường khi thu hồi đất của UBND huyện Tr.

Ngoài các khoản bồi thường nêu trên, ngày 14/4/2016, UBND huyện Tr ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND giao cho hộ ông Trần Văn L 01 nền đất tái định cư dự án tuyến đường NSH với diện tích 100m^2 thuộc thửa 1289, tờ bản đồ địa chính số 03, đất tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, được điều chỉnh lại theo Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tr (cụ thể thêm đơn giá thu tiền sử dụng đất).

Như vậy, quyền lợi của ông L, bà Ch khi bị thu hồi đất đã được UBND huyện Tr thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Luật Đất đai.

[2.3] Ông Trần Văn Ph là cháu của ông L; được ông L, bà Ch cho ở nhờ trên phần diện tích đất 127,8m^2 mà ông L, bà Ch đã bị thu hồi nêu trên. Khi Nhà nước thu hồi đất, xét thấy ông Ph là người ở trên đất, tại thời điểm thu hồi đất không có nơi ở nào khác nên UBND huyện Tr xem xét tạo điều kiện cho ông Ph được cấp 01 nền tái định cư để đảm bảo chỗ ở. Ngày 13/12/2010, UBND huyện Tr ban hành Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 giao nền tái định cư dự án tuyến đường NSH, thửa 2375, tờ bản đồ số 03 cho ông Trần Văn Ph. Ông Ph đã thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Việc ông Ph được cấp nền tái định cư tại thửa 2375 xuất phát từ chính sách của Nhà nước đối với người không có chỗ ở khi thu hồi đất. Việc cấp nền tái định cư cho ông Ph không xâm phạm hay ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, bà Ch; bởi lẽ ông L, bà Ch đã được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ đầy đủ như đã phân tích tại mục [2.2].

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Ch về việc buộc ông Ph phải trả lại nền tái định cư cho ông L, bà Ch và hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ch; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ch.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 130 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 45 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, bà Lê Thị Ch về việc:

- Buộc ông Trần Văn Ph trả lại nền tái định cư thuộc thửa số 2375, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại khu tái định cư ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa số 2376 có số đo 20m;

+ Hướng Tây giáp thửa số 2374 có số đo 20m;

+ Hướng Nam giáp đường thoát nước có số đo 05m;

+ Hướng Bắc giáp vỉa hè có số đo 05m.

Tổng diện tích: 100m^2.

- Hủy Quyết định số 346/2010/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất ở tái định cư dự án tuyến đường NSH cho ông Trần Văn Ph.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Bà Lê Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001374 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; đương sự đã thực hiện xong.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng